

PHÒNG THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM.
VIỆN PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP

**BÁO CÁO ĐỘNG THÁI DOANH NGHIỆP VIỆT NAM
NĂM 2013 VÀ CÁC KIẾN NGHỊ**

I. BỐI CẢNH KINH TẾ TRONG NƯỚC NĂM 2013.

Kinh tế thế giới năm 2013 vẫn còn nhiều bất ổn và biến động phức tạp. Khủng hoảng tài chính và khủng hoảng nợ công ở châu Âu chưa hoàn toàn chấm dứt. Mặc dù có một vài dấu hiệu tích cực cho thấy các hoạt động kinh tế đang phục hồi trở lại nhưng triển vọng kinh tế toàn cầu nhìn chung chưa vững chắc, nhất là đối với các nền kinh tế phát triển. Việc tạo công ăn việc làm được xem là một thách thức lớn của các nước phát triển. Những yếu tố không thuận lợi từ thị trường thế giới tiếp tục ảnh hưởng đến kinh tế - xã hội nước ta. Ở trong nước, các khó khăn, bất cập chưa được giải quyết gây áp lực lớn cho sản xuất kinh doanh: Hàng tồn kho mặc dù đã giảm nhưng vẫn ở mức cao, sức mua yếu, nợ xấu khu vực ngân hàng được giải quyết chậm, nhiều doanh nghiệp thu hẹp sản xuất, dừng hoạt động hoặc giải thể...

Trước bối cảnh không thuận lợi của kinh tế thế giới, áp lực của lạm phát 2010-2011 và khó khăn trong sản xuất và tiêu thụ trong nước, trong giai đoạn từ 2011-2013 Quốc hội và Chính phủ đã ban hành nhiều giải pháp về tài chính - tiền tệ để kiềm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, đồng thời tạo động lực, niềm tin giúp các doanh nghiệp vững tin phát triển sản xuất kinh doanh. Ngay từ đầu năm, Chính phủ đã kịp thời ban hành hai nghị quyết quan trọng là Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 07/01/2013 về những giải pháp chủ yếu chỉ đạo điều hành thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2013 và Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 07/01/2013 về một số giải pháp tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh, hỗ trợ thị trường, giải quyết nợ xấu.

Nhờ có các chính sách kịp thời cũng như nỗ lực của doanh nghiệp, tình hình SXKD của doanh nghiệp năm 2013 có dấu hiệu được cải thiện thể hiện:

Một là, lạm phát và các cân đối vĩ mô có chuyển biến tích cực. Cụ thể: Tổng sản phẩm trong nước (GDP) năm 2013 ước tính tăng 5,42% so với năm 2012, trong đó quý I tăng 4,76%; quý II tăng 5,00%; quý III tăng 5,54%; quý IV tăng 6,04%. Mức tăng trưởng năm nay tuy thấp hơn mục tiêu tăng 5,5% đề ra nhưng cao hơn mức tăng 5,25% của năm 2012 và có tín hiệu phục hồi; Chỉ số giá tiêu dùng tháng 12/2013 tăng 6,04% so với tháng 12/2012, thấp hơn mức 7%

theo kế hoạch của Quốc hội. Đây là năm có chỉ số giá tiêu dùng tăng thấp nhất trong 10 năm trở lại đây. Cán cân thương mại của Việt Nam trong năm nay đã được cải thiện đáng kể nhờ một số giải pháp đẩy mạnh xuất khẩu trong đó chú trọng nâng cao năng suất, chất lượng và giá trị sản phẩm xuất khẩu; tốc độ tăng trưởng xuất khẩu tiếp tục được duy trì ở mức khá¹; Môi trường kinh doanh được cải thiện, vốn FDI đăng ký mới và thực hiện trong năm 2013 cao nhất so với 3 năm trở lại đây²; Cung – cầu hàng hóa được bảo đảm; Các cân đối về lương thực, điện và lao động được ổn định; Chất lượng đầu tư có sự cải thiện...

Hai là, các chỉ số thể hiện sức sản xuất, tiêu thụ sản phẩm hàng hóa của doanh nghiệp như chỉ số sản xuất công nghiệp, hàng tồn kho,... được cải thiện đáng kể so với năm 2013. Cụ thể:

(i) *Chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp* đang có xu hướng tăng dần và ổn định qua từng tháng: Trong năm 2013, chỉ số này ước tính tăng 5,9% so với cùng kỳ năm 2012. Một số ngành có chỉ số sản xuất công nghiệp tăng cao từ đầu năm như dệt may, sản xuất thiết bị điện, sản xuất da và các sản phẩm có liên quan, sản xuất giấy và các sản phẩm từ giấy, sản xuất hóa chất và sản phẩm hóa chất, sản xuất kim loại đúc sẵn (trừ máy móc, thiết bị)....

(ii) *Hàng tồn kho* mặc dù có tăng nhẹ trong thời gian gần đây nhưng ở mức thấp so với những tháng đầu năm và năm 2012. Chỉ số tồn kho tại thời điểm 01/12/2013 của ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 10,2%. Những ngành có chỉ số tồn kho giảm là: Sản xuất, chế biến thực phẩm, dệt, sản xuất trang phục, sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại, sản xuất đồ uống, sản xuất xe có động cơ...

(iii) *Chỉ số tiêu thụ sản phẩm* cũng đã có sự cải thiện. Chỉ số tiêu thụ toàn ngành công nghiệp chế biến, chế tạo mười một tháng năm nay tăng 9,2% so với cùng kỳ năm trước (Cùng kỳ năm 2011 chỉ tăng 1,5% và năm 2012 tăng 3,6%), cho thấy đây là tín hiệu tốt đối với sản xuất công nghiệp trong thời gian tới. Những ngành có chỉ số tiêu thụ sản phẩm được cải thiện là dệt, sản xuất trang phục, sản xuất da và các sản phẩm có liên quan, dệt, sản xuất giấy và các sản phẩm từ giấy, sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu...

Ba là, số lượng doanh nghiệp đăng ký thành lập mới tăng: Ước tính năm 2013, tổng số doanh nghiệp đăng ký thành lập mới là 76955 doanh nghiệp, tăng 10,1% so với năm 2012 với tổng vốn đăng ký là 398,7 nghìn tỷ đồng, giảm 14,7%. Số doanh nghiệp gặp khó khăn phải giải thể hoặc ngừng hoạt động năm nay là 60737 doanh nghiệp, tăng 11,9% so với năm trước, trong đó số doanh nghiệp đã giải thể là 9818 doanh nghiệp, tăng 4,9%; số doanh nghiệp đăng ký tạm ngừng hoạt động là 10803 doanh nghiệp, tăng 35,7%; số doanh nghiệp ngừng hoạt động nhưng không đăng ký là 40116 doanh nghiệp, tăng 8,6%. (*Nguồn Tổng cục thống kê*)

¹ Tính chung cả năm 2013, xuất siêu 863 triệu USD, bằng 0,7% tổng kim ngạch hàng hóa xuất khẩu

² Năm 2013, vốn FDI thực hiện ước đạt 11,5 tỷ USD, tăng 9,9% so với năm 2012. Vốn đăng ký ước đạt 21,63 tỷ USD tăng 54,5% so với cùng kỳ năm 2012. Cân đối tiết kiệm – đầu tư có chuyển biến rõ rệt

Bốn là, chính sách tiền tệ được điều hành theo hướng khuyến khích hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp: Đến ngày 12/12/2013, tổng phương tiện thanh toán tăng 14,64%; huy động vốn tăng 15,61%; tăng trưởng tín dụng tăng 8,83% so với cuối năm 2012 và dự kiến sẽ cao hơn mức tăng của năm 2012 nhưng vẫn thấp hơn mức kế hoạch đặt ra là khoảng 12%; thanh khoản của hệ thống ngân hàng thương mại được cải thiện, đảm bảo khả năng thanh toán và chi trả của hệ thống; tỷ giá ngoại tệ ổn định, dự trữ ngoại hối tăng cao. (*Nguồn Tổng cục thống kê*).

Mặc dù có những tín hiệu tốt nhưng hoạt động ngân hàng vẫn đối mặt với nhiều thách thức. Tỷ lệ nợ xấu đã giảm nhưng vẫn ở mức cao; chất lượng tín dụng chưa thực sự được cải thiện; nợ xấu chưa được phân loại và đánh giá đầy đủ, chính xác. Hiệu quả kinh doanh của các tổ chức tín dụng thấp so với các năm trước đây. Nguyên nhân chủ yếu do tác động bất lợi của những khó khăn trong nền kinh tế. Chênh lệch giữa lãi suất đầu ra và lãi suất đầu vào giảm, trong khi chi phí trích lập dự phòng rủi ro tăng mạnh do chất lượng tài sản giảm sút. (*Nguồn Tổng cục thống kê*).

Năm là, diễn biến của thị trường chứng khoán trong năm 2013 cũng khá ổn định, chỉ số VnIndex chủ yếu dao động trong khoảng 500 điểm, và xu thế tăng điểm tương đối vững chắc kể từ giữa tháng 9 đến nay. Điều này cho thấy niềm tin của giới đầu tư vào tình hình hoạt động của các doanh nghiệp đang tăng lên.

Tuy nhiên, nếu nhìn tổng cầu qua con số của tổng mức hàng hóa bán lẻ và doanh thu dịch vụ tiêu dùng thì nền kinh tế Việt Nam vẫn còn có khó khăn. Năm 2013, tổng mức bán lẻ ước tính đạt 2618 nghìn tỷ đồng, tăng 12,6% so với năm 2012 và là mức tăng thấp nhất trong vòng bốn năm trở lại đây³. Hàng tồn kho và chỉ số sản xuất công nghiệp mặc dù đã được cải thiện nhưng mức độ cải thiện vẫn chưa nhiều, đặc biệt là các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực có liên quan đến bất động sản như: xi măng, sắt thép, gạch ngói, vật liệu xây dựng... vẫn gặp nhiều khó khăn.

Nhận định về tình hình kinh tế Việt Nam trong năm 2014, hầu hết các tổ chức quốc tế như Quỹ Tiền tệ Quốc tế - IMF, Ngân hàng Thế giới - WB, Ngân hàng Phát triển châu Á – ADB, các chuyên gia kinh tế trong nước nhìn chung đều đưa ra dự báo kinh tế thế giới nói chung và kinh tế Việt Nam sẽ có dấu hiệu phục hồi. Trong đó, kinh tế Việt Nam dự báo sẽ có tốc độ tăng trưởng cao hơn so với năm 2013. Bên cạnh đó, những nỗ lực của Chính phủ trong điều hành chính sách, ổn định kinh tế vĩ mô, đẩy mạnh tái cơ cấu nền kinh tế thông qua 03 trụ cột chính là tái cơ cấu đầu tư công, tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước và tái cơ cấu hệ thống tài chính – ngân hàng kỳ vọng sẽ có những đóng góp quan trọng trong việc hỗ trợ sự phục hồi kinh tế trong nước. Năm 2014, nhiều khả năng Việt Nam sẽ đạt tốc độ tăng trưởng kinh tế khoảng 5,8% và giá tiêu dùng tăng khoảng 7% như kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội đã được Quốc hội thông qua.

³ Nếu loại trừ yếu tố giá thì tổng mức bán lẻ chỉ tăng tăng 5,6%, là mức tăng thấp nhất kể từ năm 2009 (nếu không so sánh với mức tăng 3,9% của năm 2011).

II. KHẢO SÁT ĐỘNG THÁI DOANH NGHIỆP VIỆT NAM

Trong tháng 11 – 12 năm 2013, Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam đã tiến hành khảo sát nhanh động thái doanh nghiệp Việt Nam năm trên quy mô toàn quốc để đánh giá cảm nhận của doanh nghiệp về tình hình sản xuất kinh doanh trong năm 2013 và dự cảm nhận cho năm 2014. Một số kết quả khảo sát chính như sau:

- a) *Nhìn chung, tổng quan tình hình sản xuất kinh doanh (SX-KD) năm 2013 được các doanh nghiệp cảm nhận là tốt hơn so năm 2012. Đặc biệt, các doanh nghiệp dự cảm rằng một số yếu tố của tình hình SX-KD năm 2014 sẽ khởi sắc hơn.*
- b) *Một số yếu tố tác động trực tiếp đến tình hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp diễn ra trong năm 2013 đã được doanh nghiệp dự cảm khá chính xác vào cuối năm 2012.*
- c) *Các doanh nghiệp đánh giá về tổng thể môi trường chính sách và điều hành vĩ mô trong năm 2013 được cải thiện rất đáng kể, trong khi chỉ số này được đánh giá là xấu đi năm 2012.*
- d) *Điểm sáng nổi bật trong các chuyển biến tốt (theo trình tự của mức độ chuyển biến):*
 1. *Tiếp cận nguồn thông tin về thị trường, công nghệ;*
 2. *Thái độ, ý thức trách nhiệm và năng lực của cán bộ công quyền trong việc thực hiện các quy định pháp lý;*
 3. *Điều kiện hạ tầng giao thông: đường xá, sân bay;*
 4. *Điều kiện hạ tầng tiện ích: điện nước, xử lý nước thải;*
 5. *Sự ổn định môi trường pháp lý và kinh tế vĩ mô;*
 6. *Hiệu lực thực thi và áp dụng các quy định pháp lý, chính sách và thủ tục hành chính trên thực tế;*
 7. *Cung ứng lao động đáp ứng yêu cầu;*
 8. *Năng suất lao động bình quân;*
 9. *Cấp đất, giải phóng mặt bằng mở rộng sản xuất;*
 10. *Chất lượng của các quy định pháp lý, chính sách, thủ tục hành chính hơn và nhu cầu thị trường quốc tế;*
 11. *Hiệu suất sử dụng máy móc thiết bị;*
 12. *Tổng doanh số;*
- e) *Điểm đáng quan ngại nổi bật trong các chuyển biến không thuận lợi (theo trình tự của mức độ ngghiêm trọng giảm dần):*
 1. *Lợi nhuận trên một đơn vị sản phẩm;*

2. *Nhu cầu thị trường trong nước;*
3. *Lượng đơn đặt hàng;*
4. *Giá thành sản xuất;*
5. *Giá bán bình quân;*
6. *Số lượng công nhân viên;*
7. *Tiếp cận vốn vay;*

III. PHÂN TÍCH CHI TIẾT

3.1 Khái niệm chỉ số động thái (CSĐT)

Chỉ số động thái (CSĐT) được tính bằng cách lấy tỷ lệ DN có đánh giá (cảm nhận) “tình hình tốt lên” trừ đi tỷ lệ DN có đánh giá (cảm nhận) “tình hình xấu đi”. Chỉ số này dương phản ánh xu thế được cải thiện. Chỉ số này âm cho thấy tình hình xấu đi. Nếu chỉ số này bằng không, tình hình được coi là không thay đổi. Giá trị tuyệt đối của CSĐT cho thấy mức độ cải thiện hay giảm sút của tiêu chí khảo sát. Trong phân tích dưới đây, báo cáo xem xét ba loại CSĐT:

- a. CSĐT Thực thấy (VBiSO): là chỉ số xây dựng dựa trên đánh giá kỳ khảo sát này so với kỳ trước đó.
- b. CSĐT Dự cảm (VBiSE): là chỉ số xây dựng dựa trên cảm nhận của doanh nghiệp về kỳ tới so với kỳ khảo sát này.
- c. CSĐT Tổng hợp (VBiSI): là trung bình tích hợp của VBiSO và VBiSE⁴

3.2 Tổng quan tình hình sản xuất kinh doanh năm 2013.

3.2.1 Một số yếu tố đánh giá kết quả hoạt động.

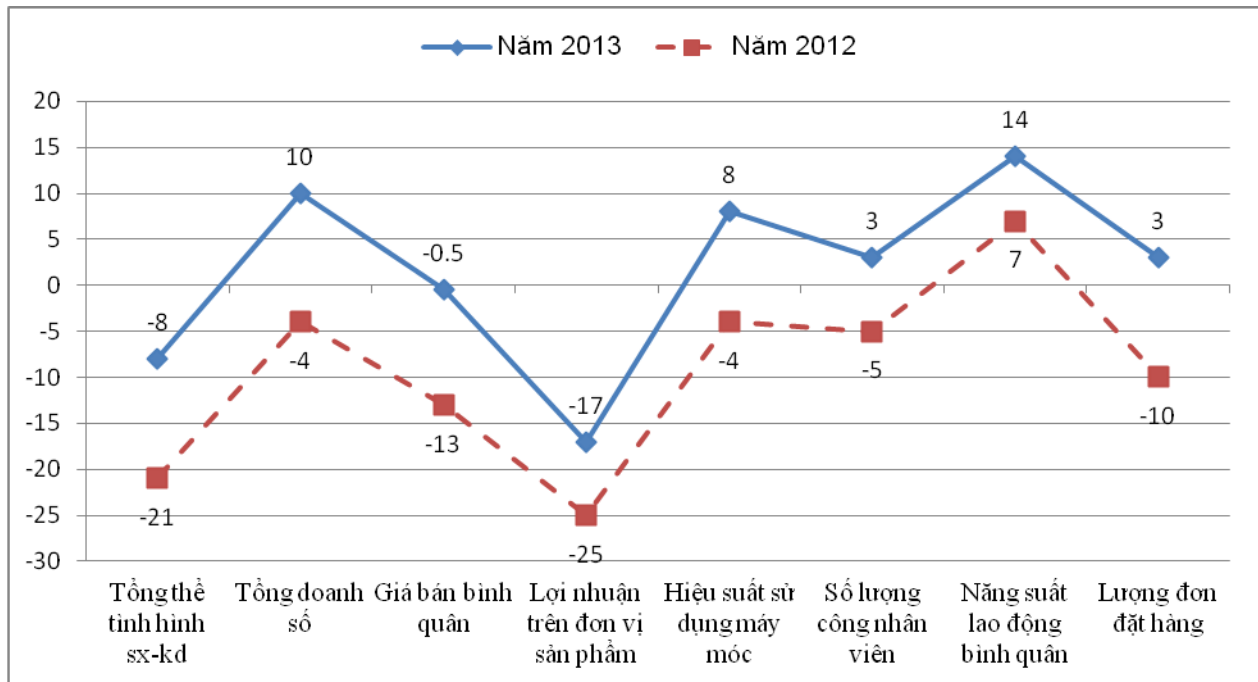
Chỉ số động thái tổng hợp của tổng thể tình hình sản xuất kinh doanh thực thấy năm 2013 đạt -8 điểm, cao hơn rất nhiều so với cuối năm 2012 (là -21 điểm). Đáng lưu ý là doanh số bán hàng có sự đột biến mạnh (từ điểm âm (-4) lên điểm dương (+10), cùng với đó là sự cải thiện về năng suất lao động đạt tới 14 điểm. Chỉ số về lượng đơn đặt hàng cũng có sự tiến bộ, trùng khớp với những chuyển biến tốt dần lên của chỉ số mua sắm PMI do HSBC công bố. Điều này cho thấy sự nỗ lực của các doanh nghiệp, cũng như các hiệu ứng tích cực của những chính sách kinh tế vĩ mô và các biện pháp hỗ trợ DN trong thời gian qua của Chính phủ. Mặc dù vậy, chỉ số động thái thực thấy vẫn chỉ ra rằng, tình hình sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp vẫn chưa thực sự ra khỏi vùng đáy. Động thái này là tổng hợp của mức xấu đi thực thấy của năm 2013 (CSĐT thực thấy là - 21 điểm), thấp hơn nhiều so với dự cảm niềm tin của doanh nghiệp ở thời điểm 2012 (CSĐT dự cảm 2013 là -9). Tuy nhiên, mức cải thiện chỉ số động thái dự

⁴ $VBiSI = [(100 + VBiSO)(100 + VBiSE)]^{1/2} - 100$. Các chữ cái O, E, và I hàm ý viết tắt tương ứng cho “Observed”, “Expected”, và “Index”.

cảm cho năm 2014 (7 điểm) mang giá trị dương khác với điểm âm cho năm 2013, cho thấy doanh nghiệp có niềm tin khá mạnh mẽ rằng dự cảm tình hình sản xuất kinh doanh năm 2014 sẽ được cải thiện so với năm 2013. (Hình 1)

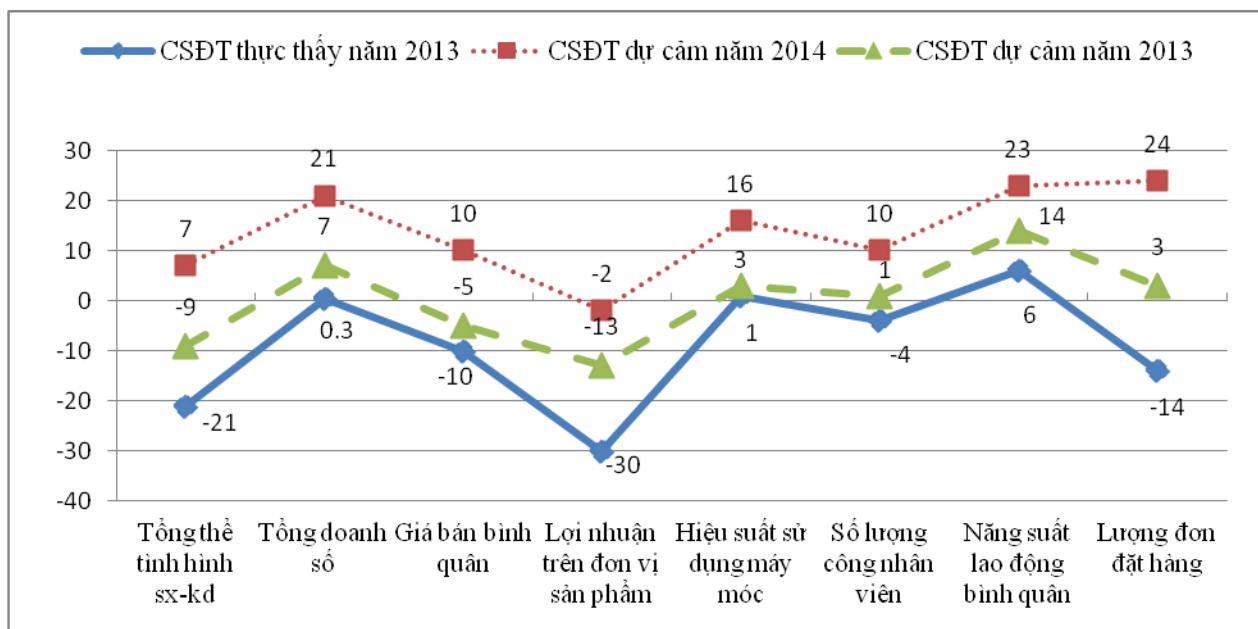
Hình 1. Tình hình SX-KD: CSĐT tổng hợp năm 2013 và năm 2012

Đơn vị: Điểm



Hình 2. Tình hình SX-KD: CSĐT dự cảm năm 2014 và CSĐT thực thấy năm 2013.

Đơn vị: Điểm



Ghi chú: Số liệu “CSĐT tổng hợp năm 2012” và “CSĐT dự cảm năm 2013” được trích dẫn từ “Báo cáo động thái doanh nghiệp Việt Nam năm 2012”.

Về tình hình sản xuất kinh doanh, ngoài yếu tố lợi nhuận, các yếu tố còn lại đều được dự cảm sẽ tốt lên vào năm 2014. Đây là một dấu hiệu tốt. Tuy nhiên, trong lịch sử nghiên cứu VBiS (7 lần khảo sát), thì dường như các doanh nghiệp luôn có dự cảm về tổng thể tình hình sản xuất kinh doanh lạc quan hơn so với tình hình thực tế sẽ diễn ra. Điểm khác biệt chủ yếu là ở mức độ lạc quan.

- Tổng doanh số có xu thế được cải thiện. Cảm nhận về doanh số thực thấy năm 2013 có cải thiện so với năm 2012, tuy nhiên mức cải thiện này là chưa đáng kể và thấp hơn nhiều so với dự cảm của doanh nghiệp đưa ra vào khảo sát tại thời điểm cuối năm 2012. Năm 2014 các doanh nghiệp dự cảm doanh số sẽ được cải thiện rất lớn so với năm 2013. Điều này được phản ánh ở CSĐT dự cảm năm 2014 đạt 21 điểm.
- Cảm nhận về giá bán bình quân vào năm 2013 giảm so với năm 2012. Mức giảm này được nhiều doanh nghiệp cảm nhận hơn so với cuối năm 2012. Xu hướng này có thể là do doanh nghiệp sử dụng các biện pháp giảm giá bán, tăng chiết khấu để giải quyết lượng hàng tồn kho, kích thích nhu cầu. Tuy nhiên, các doanh nghiệp dự cảm giá bán bình quân trong năm 2014 sẽ có xu hướng tăng lên so với năm 2013.
- Tương tự như kết quả của các khảo sát trong 2 năm trở lại đây, mức lợi nhuận bình quân trên một đơn vị sản phẩm vẫn được cảm nhận là có xu hướng giảm mạnh nhất trong các chỉ tiêu đánh giá kết quả tình hình sản xuất kinh doanh. Mức giảm lợi nhuận thực tế của năm 2013 ở nhiều doanh nghiệp cảm nhận hơn so với dự cảm vào cuối năm 2012. Doanh nghiệp dự cảm lợi nhuận bình quân tiếp tục giảm vào năm 2014, tuy nhiên xu thế giảm này được dự đoán là ở tốc độ chậm hơn. Xu thế giảm mạnh lợi nhuận là nguyên chính gây lên sự ảm đạm của chỉ số động thái tổng hợp của tình hình sản xuất kinh doanh trong năm 2013.
- Hiệu suất sử dụng máy móc thiết bị được doanh nghiệp đánh giá tốt hơn trong năm 2013 so với năm 2012 tuy rằng mức độ hiệu quả thực tế thấp hơn so với mức mà doanh nghiệp dự cảm. Đáng lưu ý là yếu tố này không được coi là điểm sáng trong các chuyên biến tốt vì trên thực tế việc các doanh nghiệp thực hiện giảm công suất để tập trung giải phòng hàng tồn đọng. Năm 2014 doanh nghiệp dự cảm hiệu suất sử dụng máy móc thiết bị sẽ tốt hơn rất nhiều so với năm 2013. Một trong những nguyên nhân doanh nghiệp dự cảm sự cải thiện này có thể là do trong thời gian qua các doanh nghiệp đã đẩy mạnh thực hiện tái cấu trúc doanh nghiệp nên doanh nghiệp dự đoán rằng mọi nguồn lực trong doanh nghiệp sẽ được sử dụng hiệu quả hơn.
- Số lượng lao động trong năm 2013 giảm so với năm 2012, mặc dù trong khảo sát được thực hiện vào cuối năm 2012, các doanh nghiệp dự cảm chỉ số này sẽ tăng lên vào năm 2013. Nguyên nhân gây ra xu hướng giảm này là trong bối cảnh kinh tế khó khăn, sản xuất bị thu hẹp dẫn đến nhu cầu tuyển dụng lao động ở một số ngành giảm. Tuy nhiên, các doanh nghiệp dự cảm số lượng công nhân viên sẽ

tăng lên trong năm 2014. Điều này cho thấy có thể một số doanh nghiệp sẽ trở lại sản xuất kinh doanh sau thời gian tạm ngừng hoặc mở rộng quy mô sản xuất đòi hỏi doanh nghiệp tuyển dụng nhiều lao động hơn. Sự lạc quan trong những dự cảm về tuyển dụng lao động cho thấy các doanh nghiệp đang kỳ vọng vào những điều kiện kinh doanh tốt hơn, cố sức để cùng xã hội giải quyết công ăn việc làm cho người lao động.

- Năng suất lao động bình quân được cảm nhận có xu hướng được cải thiện rõ rệt. Đây là chỉ số lạc quan nhất trong các chỉ số đánh giá về tình hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Đây là một xu thế tất yếu trong điều kiện hiện nay, cho thấy các doanh nghiệp đã bắt đầu nhận thức được rằng tăng trưởng không thể mãi dựa vào yếu tố vốn, mà phải dựa vào yếu tố năng suất lao động.
- Lượng đơn đặt hàng năm 2013 cũng được đánh giá là giảm so với năm 2012 mặc dù các doanh nghiệp dự cảm chỉ số này tăng. Các doanh nghiệp dự cảm vào năm 2014 lượng đơn đặt hàng sẽ tăng lên so với năm 2013.

3.2.2 Một số khó khăn và tồn tại của doanh nghiệp trong năm 2013

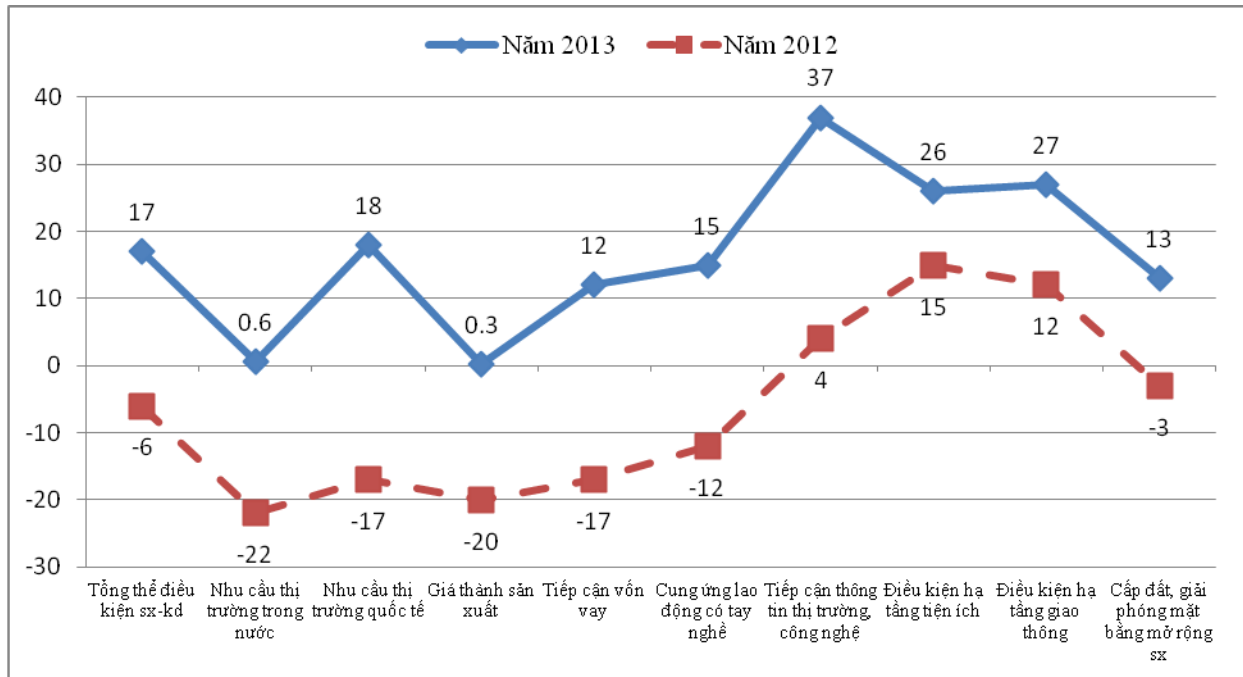
Theo kết quả của khảo sát VBiS, 7,6% doanh nghiệp tham gia khảo sát phải tạm dừng hoạt động trong năm 2013. Thời gian ngừng hoạt động trung bình là 2,5 tháng. Số tháng doanh nghiệp phải ngừng hoạt động ít nhất là 1 tháng và nhiều nhất là 6 tháng. Nguyên nhân dẫn đến tình trạng phải ngừng hoạt động được các doanh nghiệp kể đến nhiều nhất là do doanh nghiệp không tìm được thị trường đầu ra, tiếp đó là do doanh nghiệp không vay được vốn.

3.3 Các yếu tố tác động trực tiếp đến tình hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp

Chỉ số động thái tổng hợp của tình hình sản xuất kinh doanh năm 2013 có xu thế cải thiện rõ rệt, đạt 17 điểm, trong khi chỉ số này của năm 2012 chỉ đạt -6 điểm. Như vậy, tổng thể điều kiện sản xuất kinh năm 2013 tốt hơn so với năm 2012. Mức cải thiện trong năm 2013 là kết quả tích hợp của CSĐT thực thấy đạt 6 điểm và CSĐT dự cảm đạt 30 điểm (*Hình 3*).

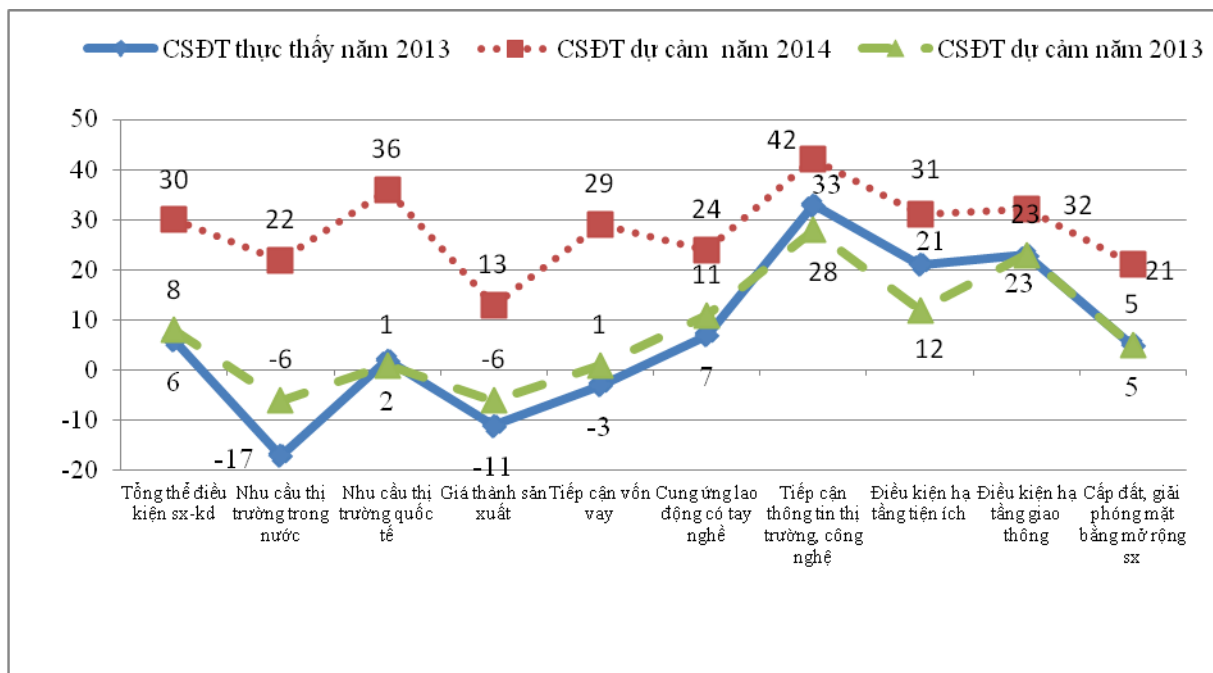
Hình 3. Các yếu tố tác động trực tiếp đến SX-KD: CSĐT tổng hợp

Đơn vị: Điểm



Hình 4. Các yếu tố tác động trực tiếp đến SX-KD: CSĐT dự cảm năm 2013, CSĐT thực thấy năm 2013 và CSĐT dự cảm năm 2014

Đơn vị: Điểm



Nhìn chung, một số yếu tố được doanh nghiệp dự cảm vào cuối năm 2012 khá sát so với thực tế diễn ra vào năm 2013. Điển hình là các yếu tố về nhu cầu thị trường trong nước, tiếp cận thị trường công nghệ, điều kiện hạ tầng giao thông và yếu tố về cấp đất, giải phóng mặt bằng mở rộng sản xuất. Bên cạnh đó, một số yếu tố được doanh nghiệp dự cảm sẽ tốt lên trong năm 2013 nhưng thực tế năm 2013 cho thấy những yếu tố này vẫn chưa được cải thiện, ví dụ nhu cầu thị trường trong nước và tiếp cận vốn vay. Yếu tố về điều kiện hạ tầng tiện ích được cải thiện lớn hơn nhiều so với mức doanh nghiệp dự cảm. Hầu hết các yếu tố tác động đến tình hình sản xuất kinh doanh đều được các doanh nghiệp dự cảm sẽ được cải thiện vào năm 2014. Cụ thể:

- Nhu cầu thị trường trong nước được các doanh nghiệp cảm nhận giảm so với năm 2012, thậm chí mức độ giảm thực tế lớn hơn nhiều so với mức giảm được doanh nghiệp dự đoán tại thời điểm tháng 12/2012.
- Nhu cầu thị trường quốc tế có cải thiện trong năm 2013, tuy nhiên mức cải thiện không đáng kể. Diễn biến này khá sát so với dự đoán của doanh nghiệp về sức mua thị trường nước ngoài năm 2013. Các doanh nghiệp cũng dự cảm nhu cầu thị trường quốc tế sẽ tăng lên rất nhiều vào năm 2014, thậm chí mức tăng này còn cao hơn rất nhiều so với mức tăng tại thị trường nội địa. Có vẻ như các doanh nghiệp đang rất tin tưởng vào sự phục hồi kinh tế của các nước trên thế giới.
- Giá thành sản xuất tăng cao vào năm 2013 so với năm 2012. Mức độ tăng này lớn hơn mức tăng dự đoán của doanh nghiệp. Tuy vậy, các doanh nghiệp dự đoán giá thành sản xuất sẽ giảm vào năm 2014 so với năm 2013.
- Tiếp cận vốn vay vào năm 2013 khó khăn hơn so với năm 2012, mặc dù vào thời điểm 12/2012 doanh nghiệp dự đoán rằng tiếp cận vốn vay năm 2013 sẽ dễ dàng hơn. Lý do khiến doanh nghiệp dự đoán như vậy một phần là bởi vì mức lãi suất cho vay có thể thấp hơn sau hàng loạt đợt hạ lãi suất huy động của Ngân hàng Nhà nước. Tuy nhiên, thực tế năm 2013 cho thấy lãi suất mặc dù đã giảm từ 2%-3% so với cuối năm 2012, nhưng vẫn ở cao so với nhiều doanh nghiệp, đặc biệt là khu vực doanh nghiệp nhỏ và vừa. Bên cạnh đó, doanh nghiệp cũng vấp phải rào cản về thủ tục vay vốn và các điều kiện được vay vốn làm hạn chế khả năng tiếp cận vốn của doanh nghiệp. Trong thời gian vừa qua, tỷ lệ nợ xấu của các ngân hàng lên cao. Để giảm bớt rủi ro, các ngân hàng xem xét khắt khe và kỹ lưỡng hơn rất nhiều đối với những khoản tín dụng cấp mới. Chính vì thế, muốn vay được vốn các doanh nghiệp phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện mà ngân hàng đòi hỏi. Và quá trình này đòi hỏi thời gian xem xét lâu hơn so với trước đây.
- Cung ứng lao động có tay nghề được cải thiện mặc dù mức cải thiện này nhỏ hơn mức cải thiện mà các doanh nghiệp dự đoán. Năm 2014 yếu tố này được dự đoán tiếp tục cải thiện. Nguyên nhân các doanh nghiệp dự đoán mức cải thiện này có thể là do thời gian vừa qua một số doanh nghiệp thu hẹp sản xuất nên dẫn đến tình trạng cắt giảm nhân sự. Vì thế thị trường lao động có sẵn một số lượng

nhân sự có kinh nghiệm, có tay nghề lớn hơn. Nhờ đó, các doanh nghiệp rất dễ dàng tìm được nhân sự đáp ứng nhu cầu công việc, ngay cả đối với những vị trí quản lý cấp cao.

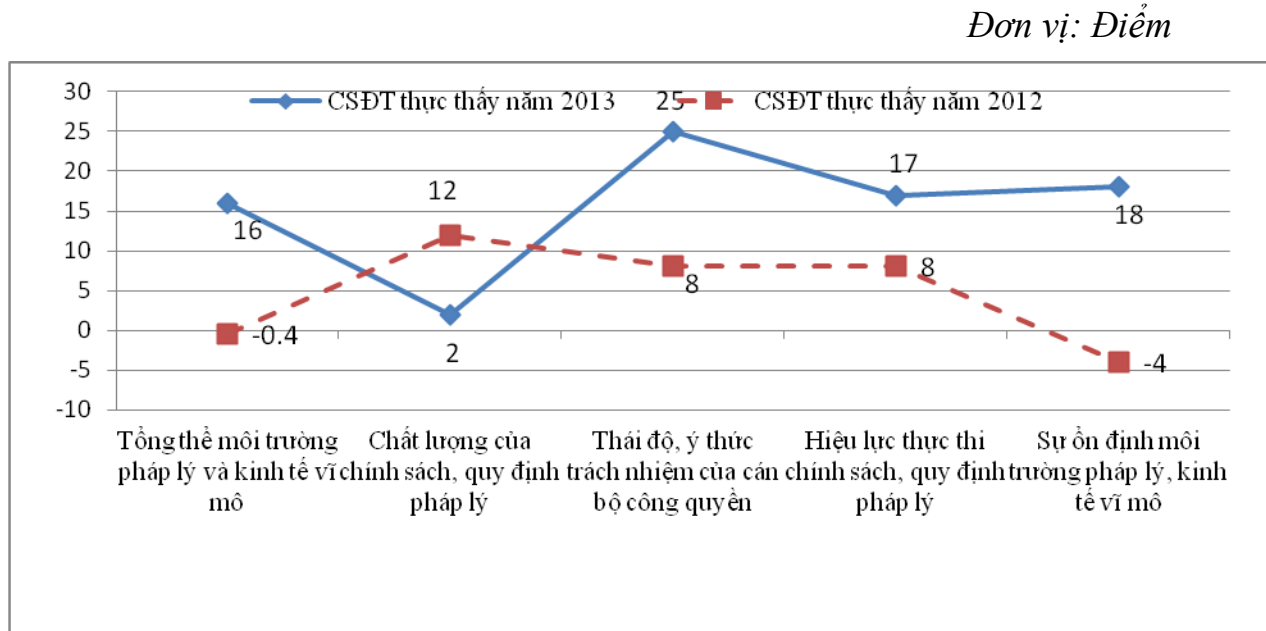
- Các yếu tố về tiếp cận thông tin thị trường công nghệ, điều kiện hạ tầng tiện ích và điều kiện giao thông được đánh giá là tốt vào năm 2013 và tiếp tục được doanh nghiệp dự cảm cải thiện trong năm tới.

3.4 Chính sách kinh tế và điều hành kinh tế vĩ mô

3.4.1 Đánh giá về các yếu tố liên quan đến chính sách và điều hành vĩ mô

Các doanh nghiệp đánh giá về tổng thể môi trường chính sách và điều hành vĩ mô trong năm 2013 được cải thiện rất đáng kể so với năm 2012.

Hình 5. Các điều kiện sản xuất kinh doanh khác: CSĐT thực thấy năm 2012 và CSĐT thực thấy năm 2013



Hình 5 cho thấy sự cải thiện này của chỉ số tổng thể môi trường pháp lý và kinh tế vĩ mô trong năm 2013. Đây là kết quả tổng hợp từ sự cải thiện của từng yếu tố thành phần như: chất lượng của các quy định pháp lý, hiệu lực thực thi chính sách, thủ tục hành chính liên quan tới doanh nghiệp, sự cải thiện trong thái độ và ý thức trách nhiệm của các bộ công quyền, sự ổn định của môi trường pháp lý và điều hành kinh tế. Trong đó, thái độ ý thức và trách nhiệm của các cán bộ công quyền được cải thiện nhiều nhất, sự ổn định của môi trường pháp lý và kinh tế vĩ mô cũng được cải thiện đáng kể. Đáng tiếc rằng, chất lượng của các chính sách và quy định pháp lý chưa được cải thiện nhiều. Mức độ cải thiện của yếu tố này trong năm 2013 được đánh giá thấp hơn rất nhiều so với năm 2012.

3.4.2 Đánh giá về tính hiệu quả của một số giải pháp và chính sách:

Đánh giá chung của các DN về tính hiệu quả các giải pháp tháo gỡ khó khăn trong sản xuất kinh doanh, hỗ trợ thị trường và giải quyết nợ xấu tại Nghị quyết 02/NQ-CP của Chính phủ ra ngày 07/01/2013, cho thấy hiệu ứng tổng thể của các giải pháp này là tích cực, trong đó có gần 60% doanh nghiệp trả lời khảo sát cho rằng hiệu quả của các chính sách và giải pháp này hỗ trợ doanh nghiệp từ mức bình thường trở lên. Tuy nhiên, vẫn có khoảng 40 % đánh giá ở mức thấp. Kết quả đánh giá của các doanh nghiệp theo từng giải pháp cụ thể như sau:

Đối với các giải pháp “*gia hạn nộp thuế đối với thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp quý I và 03 tháng thời hạn nộp thuế TNDN phải nộp quý II và quý III năm 2013 cho một số đối tượng doanh nghiệp*”, tỷ lệ được doanh nghiệp đánh giá “*có hiệu quả cao và rất cao*” (37,5%) lớn hơn tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá có hiệu quả “*thấp và rất thấp*” (22,9%). Tương tự như vậy, tỷ lệ này tương ứng là 37,7% và 21,3% đối với “*giải pháp gia hạn nộp thuế VAT 06 tháng đối với số thuế phải nộp của tháng 1, tháng 2, tháng 3 năm 2013 với một số nhóm doanh nghiệp đang thực hiện nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ*”. Hỗ trợ về chính sách thuế là một trong những biện pháp truyền thống để hỗ trợ doanh nghiệp và thường được các doanh nghiệp đánh giá rất cao vì doanh nghiệp nhìn ngay được cái lợi trước mắt. Và đây cũng là một trong những giải pháp hỗ trợ được phần lớn các doanh nghiệp cho là “*có hỗ trợ tích cực đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp*”. Không thể phủ nhận tác dụng tích cực của các biện pháp này. Tuy nhiên, rõ ràng các biện pháp này cũng chưa thể nói là đã đủ để giúp các DN vực dậy sau những khó khăn vừa qua.

Các giải pháp khác như hoàn thuế bảo vệ môi trường và giảm 50% tiền thuế đất năm 2013 và năm 2014 đối với các tổ chức kinh tế, hộ gia đình, cá nhân được xếp ở vị trí thứ hai trong bảng xếp hạng về “*có tác động tích cực đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp*”. Xếp vị trí thứ ba là các nhóm giải pháp về vốn tín dụng, hoàn thiện cơ chế bảo lãnh cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa; Áp dụng mức thuế suất 5% đối với việc bán, cho thuê và cho thuê mua nhà ở xã hội; Và áp dụng 20% thuế TNDN đối với các doanh nghiệp có tổng doanh thu năm không quá 20 tỷ đồng. Các giải pháp này đều có tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá “*có hiệu quả cao và rất cao*” lớn hơn so với tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá “*thấp và rất thấp*”.

Các giải pháp về giải quyết hàng tồn kho, hỗ trợ thị trường và đầu tư, giải pháp tháo gỡ khó khăn cho thị trường bất động sản và chính sách quản lý thị trường vàng miếng chưa được doanh nghiệp đánh giá cao. Dường như các giải pháp, hỗ trợ thị trường và đầu tư chưa giải thoát cho DN thoát khỏi nỗi ám ảnh về hàng tồn kho, vì thế mà tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá chính sách này có hiệu quả “*thấp và rất thấp*” là 42% trong khi tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá có hiệu quả “*cao và rất cao*” là 16,3%. Nguyên nhân của kết quả này có thể là do các giải pháp này còn chung chung, chưa cụ thể dẫn đến việc chưa có những tác động tích cực rõ rệt mà doanh nghiệp có thể cảm nhận

trong việc cải thiện tình trạng tồn đọng hàng hóa của doanh nghiệp. Hơn nữa, xét về tính chất của các giải pháp thì chính sách kinh tế vĩ mô sẽ có tác động lan tỏa, trực tiếp đến nhiều doanh nghiệp, trong khi các giải pháp về thị trường đôi khi chỉ có thể tác động đến một số nhóm doanh nghiệp hoặc ngành hàng cần sự hỗ trợ cụ thể mà tác động của nó chưa thể có ngay lập tức.

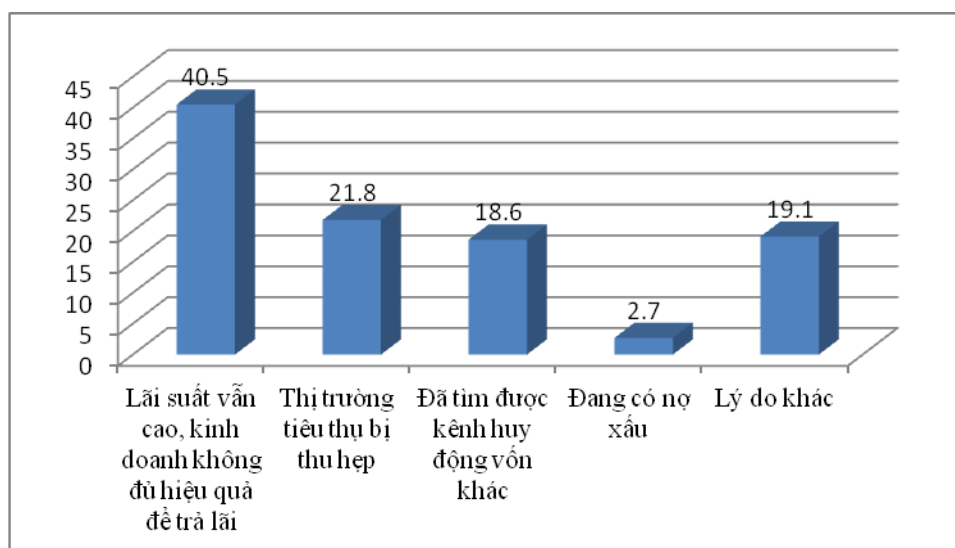
Đối với một số giải pháp, chính sách và chiến lược như xử lý nợ đọng xây dựng cơ bản từ vốn NSNN và vốn trái phiếu chính phủ, tăng cường quản lý chi NSNN, các biện pháp quản lý nợ trung hạn quốc gia, các biện pháp cải cách cơ chế phối hợp trong quản lý điều hành kinh tế vĩ mô, ba đột phá chiến lược trong phát triển kinh tế xã hội và việc tái cấu trúc nền kinh tế, phần lớn doanh nghiệp cho rằng các giải pháp này có hiệu quả bình thường. Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá các giải pháp và chính sách này có hiệu quả bình thường lên tới trên 60%. Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá các giải pháp này có hiệu quả “cao và rất cao” thấp hơn so với tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá “thấp và rất thấp”.

3.4.3 Đánh giá về chính sách hỗ trợ tiếp cận vốn.

Trong năm 2013, 65,2% doanh nghiệp trong diện điều tra có nhu cầu vay vốn của ngân hàng, trong khi tỷ lệ này năm 2012 là 57,3%. Như vậy, nhu cầu vay vốn ngân hàng của doanh nghiệp có xu hướng tăng so với năm 2012. Có 34,8% doanh nghiệp không có nhu cầu vay vốn. Trong những doanh nghiệp không vay vốn, 40,5 % lượt doanh nghiệp nêu lý do vì lãi suất vẫn rất cao, kinh doanh không đủ hiệu quả để trả lãi; 21,1% do thị trường tiêu thụ sản phẩm bị thu hẹp; 18,6% do đã tìm được kênh huy động vốn khác; 19,1% do nguyên nhân khác: trong đó có lý do là không có nhu cầu vay vốn nói chung và chỉ có 2,7% là do đang có nợ xấu nên không vay được vốn.

Hình 6. Nguyên nhân doanh nghiệp không vay vốn

Đơn vị : %

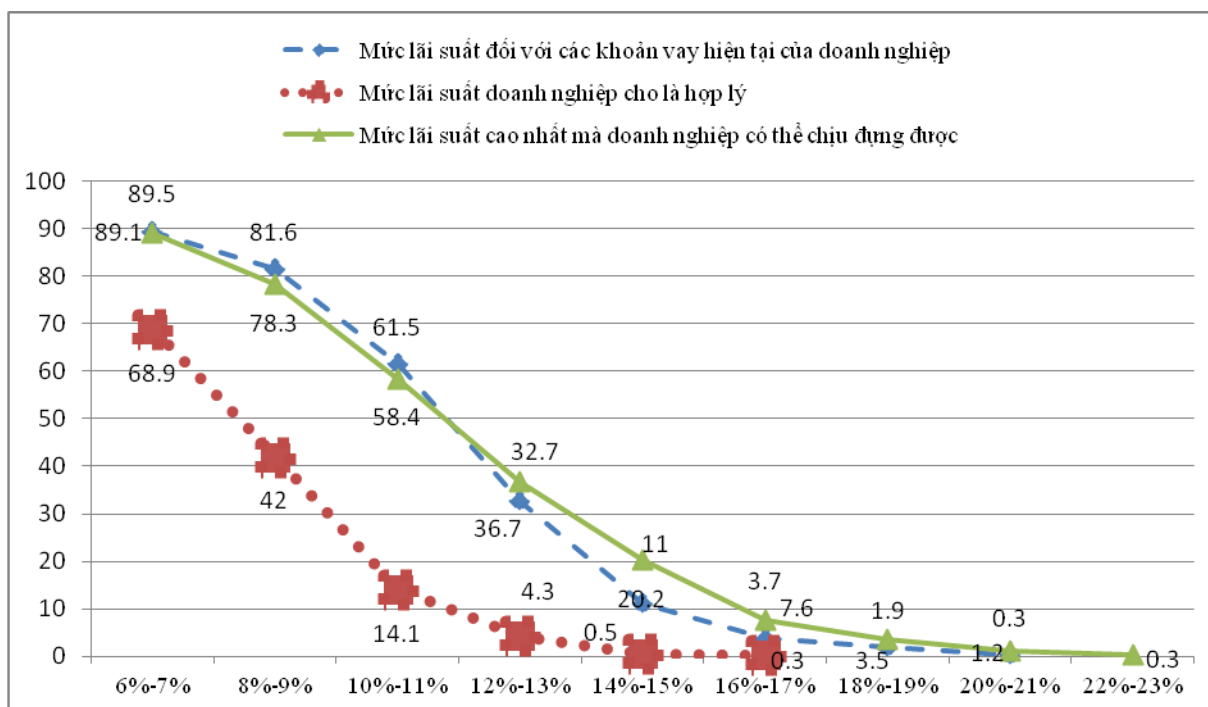


Theo kết quả khảo sát thực hiện trong tháng 12/2012, năm 2012 có 74,9% số doanh nghiệp phải vay ở mức lãi suất 12% trở lên, trong khi tỷ lệ này của năm 2013 là

32,7%. Kết quả này cho thấy việc giảm lãi suất đã tạo được điều kiện tốt cho DN tiếp cận nguồn vốn thể hiện qua tỷ lệ doanh nghiệp được vay với mức lãi suất thấp hơn 12% đã tăng lên. Có 4,3 % doanh nghiệp cho rằng mức lãi vay này là hợp lý trong thời điểm hiện tại, 36,7 % số DN thấy có thể chịu được trong thời gian lâu dài. Nghĩa là, vẫn tồn tại 63,3% số DN sẽ gặp khó khăn nếu phải chịu mức lãi vay này trong dài hạn. (Hình 7)

Hình7. Doanh nghiệp và lãi suất năm 2013

Đơn vị : %



Bên cạnh những khó khăn về lãi suất và các điều kiện khác, việc đáp ứng nhu cầu vốn dài hạn vẫn còn tiếp diễn. Điều này cũng có nghĩa rằng, các doanh nghiệp không thể cứ trông chờ nguồn vốn dài hạn từ phía ngân hàng mà phải có kế hoạch huy động từ các nguồn thích hợp khác. Huy động vốn từ các quỹ đầu tư, bán cổ phần cho các cổ đông chiến lược đang là những cách thức mà các doanh nghiệp cần quan tâm để huy động nguồn vốn trung và dài hạn.

Năm 2013, lãi suất ngân hàng đã giảm mạnh nhưng đáng tiếc rằng tốc độ tăng trưởng tín dụng không được cải thiện nhiều. Nguyên nhân chính được đưa ra chủ yếu là do các doanh nghiệp không đáp ứng đủ các điều kiện vay vốn theo quy định. Một trong những điều kiện đó là phải có tài sản thế chấp. Việc sử dụng bất động sản làm tài sản thế chấp là chủ yếu trong điều kiện thị trường bất động sản đóng băng đã đẩy cả doanh nghiệp và ngân hàng vào tình trạng tiến thoái lưỡng nan.

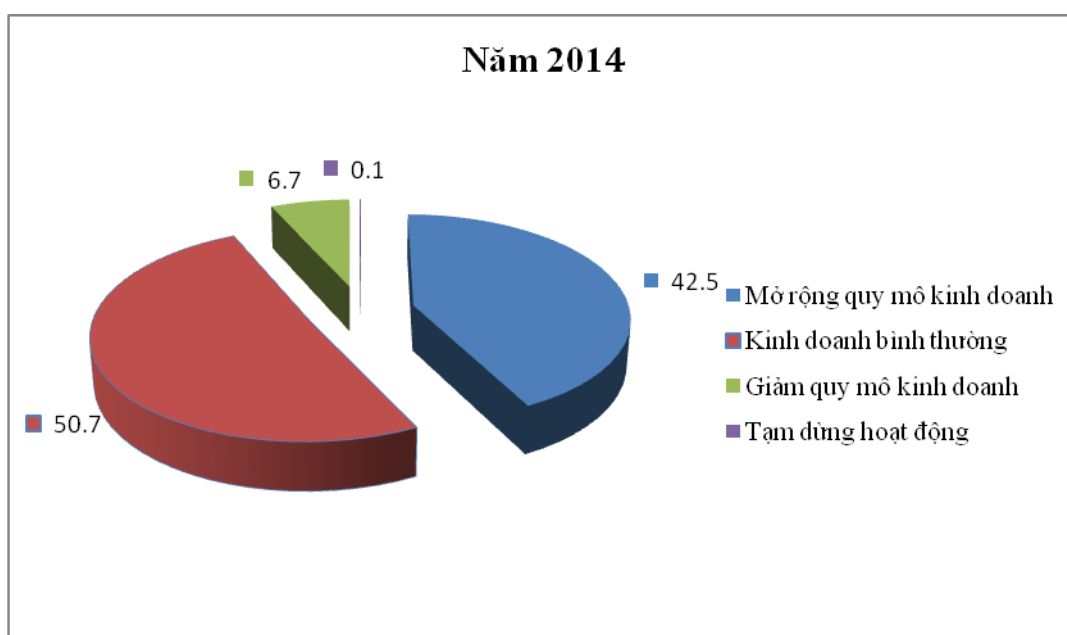
3.5 Chiến lược của doanh nghiệp

3.5.1 Quy mô kinh doanh

Hình 8 cho thấy hầu hết các doanh nghiệp có kế hoạch giữ nguyên quy mô kinh doanh trong năm 2014, tỷ lệ này chiếm 50,7%, 42,5% doanh nghiệp được khảo sát có thể mở rộng quy mô kinh doanh và 6,7 % có thể giảm quy mô kinh doanh, chỉ có 0,1% doanh nghiệp có thể sẽ phải tạm dừng hoạt động. Cần lưu ý rằng, đối tượng điều tra tại nghiên cứu này là các doanh nghiệp đang hoạt động, do vậy không thể suy rộng cho toàn bộ khu vực doanh nghiệp (bao gồm cả những doanh nghiệp đang tạm ngừng hoạt động, doanh nghiệp mới đăng ký nhưng chưa hoạt động). Số liệu nêu trên nhìn chung được đánh giá là tương đối lạc quan.

Hình 8. Kế hoạch mở rộng sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp năm 2014

Đơn vị: %

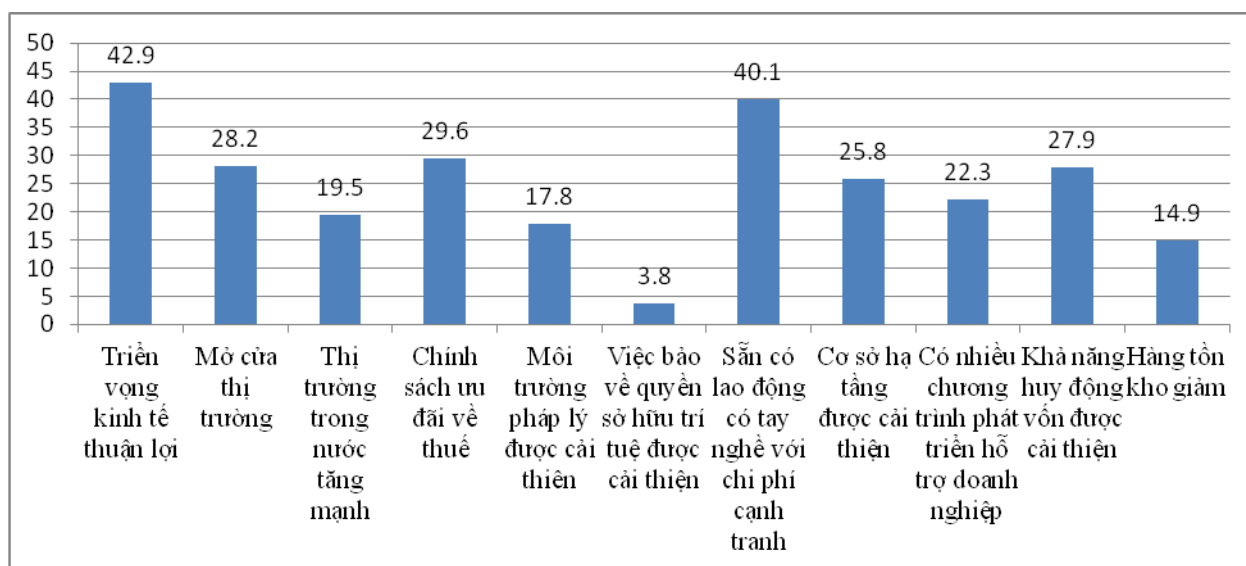


Có nhiều nguyên nhân dẫn đến doanh nghiệp quyết định mở rộng sản xuất kinh doanh trong năm 2014.

Trong đó, nhóm nguyên nhân triển vọng kinh tế thuận lợi và sẵn có lao động có tay nghề với chi phí cạnh tranh cao được nhiều lượt doanh nghiệp chọn nhất, tỷ lệ này lần lượt là 42,9% và 40,1%. Doanh nghiệp đang kỳ vọng rất nhiều vào những chuyển biến tại thị trường lao động vì đây là thời điểm dễ dàng nhất để doanh nghiệp có thể tuyển dụng được nhân lực đáp ứng ngay được yêu cầu công việc mà có thể không nhất thiết phải đào tạo, thậm chí đối với cả những vị trí chủ chốt. Đứng thứ hai là nhóm nguyên nhân mở cửa thị trường, chính sách ưu đãi thuế và khả năng huy động vốn được cải thiện. Đứng thứ ba là nhóm nguyên nhân về cơ sở hạ tầng được cải thiện và kèm theo đó là các chương trình hỗ trợ phát triển của doanh nghiệp.

Hình 9. Nguyên nhân khiến doanh nghiệp mở rộng đầu tư kinh doanh năm 2014

Đơn vị: %



3.5.2 Nâng cao giá trị gia tăng của sản phẩm

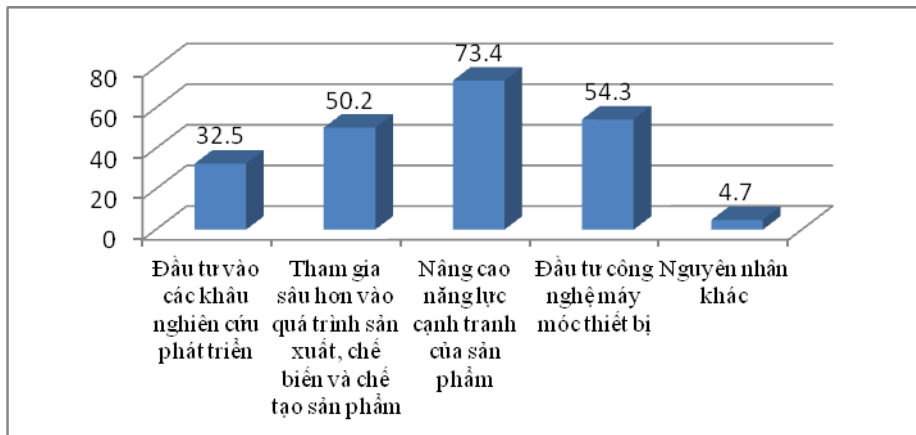
Đề cập về nội dung Chiến lược phát triển kinh tế xã hội giai đoạn 2011 -2020, phần lớn các doanh nghiệp (64,6%) đã nhận thức được việc tăng giá trị nội địa, giá trị gia tăng và sức cạnh tranh sản phẩm là những mục tiêu quan trọng trong chiến lược.

Tỷ lệ giá trị gia tăng trên giá bán một đơn vị sản phẩm tại doanh nghiệp thuộc diện khảo sát ước trung bình là 19,5%. Chỉ số này dao động, thấp nhất là 0,05% và cao nhất là 85%.

Đáng chú ý là hầu hết các doanh nghiệp tham gia khảo sát (73,9%) lại cho rằng cho rằng tỷ lệ giá trị gia tăng trên giá bán một đơn vị sản phẩm hiện tại như đã nêu trên đối với họ là bình thường, không cao và dường như đó là điều không thể tránh khỏi. Mặc dù vậy, có tới 77,5% doanh nghiệp hiện đang coi đây là vấn đề mấu chốt của doanh nghiệp và trong số các doanh nghiệp này thì giải pháp “*nâng cao sức cạnh tranh của sản phẩm*” là phổ biến nhất (có tới 74,3% doanh nghiệp áp dụng) (Xem Hình 10). Hình 10 cũng cho thấy các DN Việt Nam vẫn chưa thực sự chú trọng công tác nghiên cứu và phát triển (R&D) trong doanh nghiệp.

Hình 10. Giải pháp áp dụng để nâng cao giá trị gia tăng của sản phẩm dịch vụ

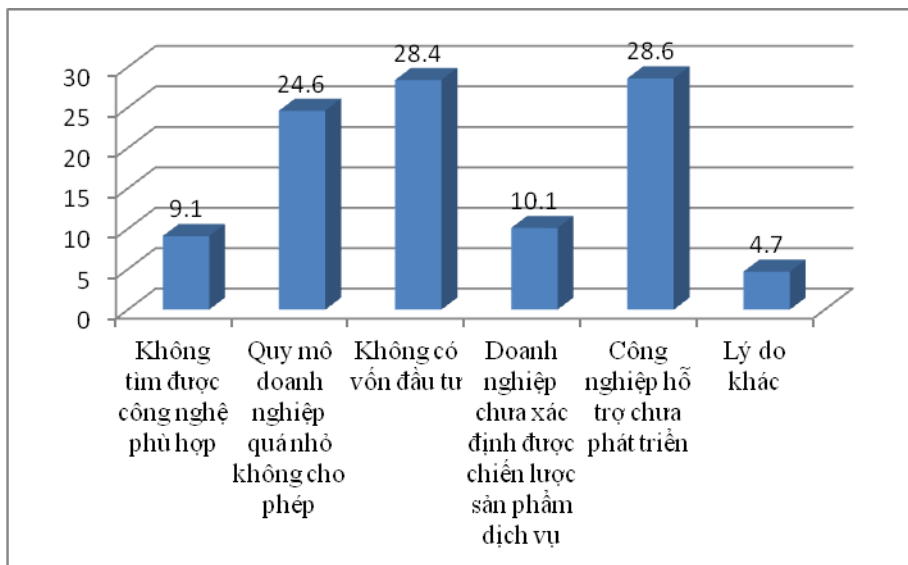
Đơn vị: %



Trong việc nâng cao giá trị gia tăng của sản phẩm doanh nghiệp gặp một số khó khăn và vướng mắc như: có 28,6% doanh nghiệp cho là rất khó để nâng cao giá trị gia tăng vì không có vốn đầu tư và công nghiệp hỗ trợ chưa phát triển, hoặc do quy mô quá nhỏ. Có 9,1% doanh nghiệp đưa ra lý do là không tìm được công nghệ phù hợp.

Hình 11. Khó khăn trong việc nâng cao tỷ trọng giá trị gia tăng

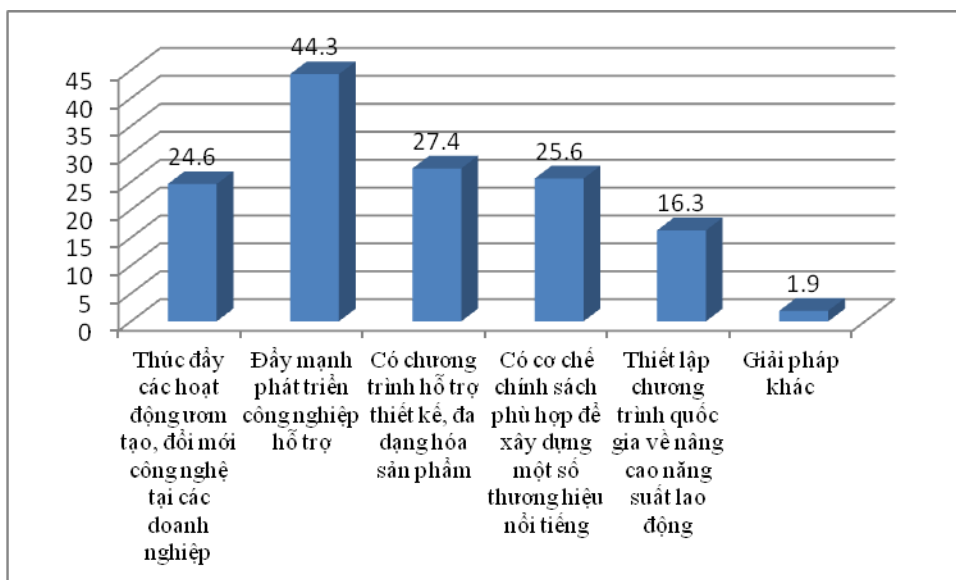
Đơn vị: %



Phần lớn các doanh nghiệp khuyến nghị rằng Chính phủ cần đẩy mạnh phát triển công nghiệp hỗ trợ để hỗ trợ doanh nghiệp trong việc nâng cao tỷ trọng giá trị gia tăng của sản phẩm, 44,3% lượt doanh nghiệp đề xuất giải pháp này. Việc có chương trình hỗ trợ thiết kế, đa dạng hóa sản phẩm cũng chiếm một vị trí hết sức quan trọng (vị trí thứ 2) cho đến Chính phủ chưa có một chương trình cụ thể nào để thúc đẩy lĩnh vực này.

Hình 12. Giải pháp chính phủ nên thực hiện để hỗ trợ doanh nghiệp trong việc nâng cao tỷ trọng giá trị gia tăng.

Đơn vị: %



III. MỘT SỐ KIẾN NGHỊ

3.1 Đối với doanh nghiệp.

- 1) Quan tâm hơn và thường xuyên cập nhật các chính sách của chính phủ để tận dụng hỗ trợ của chính phủ.
- 2) Tiếp tục thực hiện mạnh mẽ quá trình tái cấu trúc doanh nghiệp, trong đó tập trung nguồn lực nhiều hơn cho việc nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, ứng dụng khoa học công nghệ trong sản xuất kinh doanh nhằm nâng cao năng suất lao động, cải thiện chất lượng và hạ giá thành sản phẩm;
- 3) Thiết lập chiến lược kinh doanh và có chương trình hành động rõ ràng. Tăng cường năng lực hấp thụ nguồn vốn đầu tư bằng việc có chiến lược kinh doanh, chiến lược tiếp thị rõ ràng. Đa dạng hoá các nguồn vốn để giảm thiểu rủi ro dựa duy nhất vào nguồn tín dụng ngân hàng, tranh thủ các quỹ đầu tư, bán cổ phần cho cổ đông chiến lược,... thông qua đó cải thiện việc quản trị kinh doanh đối với doanh nghiệp.
- 4) Chú trọng việc cân đối dòng tiền, nâng cao mức thanh khoản, nhanh chóng giải quyết tồn kho thanh toán bằng việc phân công cán bộ phối hợp với khách hàng để theo dõi và giải quyết nợ tồn đọng.
- 5) Xây dựng, rà soát và có cơ chế giám sát chặt chẽ hệ thống các định mức chi phí trong quá trình sản xuất kinh doanh, cắt giảm các chi phí không cần thiết, tạo tiền đề cho việc hạ giá thành sản phẩm;
- 6) Nâng cao năng lực quản trị rủi ro và quản trị sự bất định để phân tán rủi ro, biến cái bất định thành cái xác định: mua bảo hiểm, mua sản phẩm tương lai.

7) Chú trọng việc cân đối dòng tiền, nâng cao mức thanh khoản, nhanh chóng giải quyết tồn kho thanh toán bằng việc phân công cán bộ phối hợp với khách hàng để theo dõi và giải quyết công nợ.

8) Tăng cường tính liên kết trong kinh doanh, đặc biệt là giữa các doanh nghiệp có cùng ngành nghề, lĩnh vực kinh doanh để các doanh nghiệp có thể hỗ trợ, bổ sung nguồn lực cùng vượt qua khó khăn.

9) Tập trung nâng cao năng lực tiếp cận và mở rộng thị trường bao gồm cả thị trường đầu vào và thị trường đầu ra, trong đó đặc biệt chú ý tới các thị trường mới, giàu tiềm năng. Xây dựng và thiết lập hệ thống kênh phân phối hiệu quả.

10) Thực hiện đổi mới nhân sự: ngay cả khi doanh nghiệp không cần cắt giảm nhân sự thì cũng nên xem xét việc đổi mới nhân sự đối với những vị trí nhân sự có hiệu quả làm việc thấp vì đây là thời điểm doanh nghiệp dễ tuyển nhân sự nhất mà không cần đào tạo.

3.2 Kiến nghị với nhà nước- một số giải pháp trước mắt.

A) Nhóm thứ nhất: Hỗ trợ tái cấu trúc doanh nghiệp

- 1) Tiếp tục đẩy mạnh triển khai có hiệu quả và đồng bộ Đề án tái cơ cấu DNNN.
- 2) Triển khai đồng bộ các giải pháp nhằm giải phóng hàng tồn kho, nợ xấu đặc biệt là tồn kho và nợ xấu trong lĩnh vực bất động sản. Cần có sự phối hợp đồng bộ trong việc triển khai chính sách, đặc biệt phải có chính sách cụ thể đối với việc hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận thị trường, giải phóng hàng tồn kho.
- 3) Triển khai mạnh mẽ kế hoạch phát triển DNNVV 2011-2015.
- 4) Tăng cường nâng cao năng lực quản trị doanh nghiệp, đặc biệt các doanh nghiệp lớn, doanh nghiệp trong các ngành then chốt của nền kinh tế để nâng cao năng lực cạnh tranh chung của nền kinh tế, tạo các đầu tàu kinh tế.

B) Nhóm thứ 2: Đẩy mạnh tái cấu trúc đầu tư công

1) Chú trọng phân bổ vốn và giải ngân cho các dự án đầu tư công trong kế hoạch, bảo đảm cung ứng vốn cho các công trình, nhằm tạo việc làm và giải quyết đầu ra cho ngành có liên quan như: sắt, thép, xi măng, vật liệu xây dựng,... góp phần giải quyết hàng tồn kho cho các doanh nghiệp.

2) Ưu tiên tập trung xử lý nợ đọng XD CB, đặc biệt là nợ đọng XD CB ở địa phương theo tinh thần Chỉ thị 27/CT-TTg ngày 10/10/2012 và Chỉ thị số 14/2013/CT-TTg ngày 28/6/2013 của Thủ tướng Chính phủ.

3) Triển khai thực hiện tốt các Luật thuế mới được Quốc hội thông qua như: Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật thuế GTGT, Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật thuế TNDN; Tiếp tục gia hạn nộp và giảm thuế khoán (thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập cá nhân) và thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm 2014 đối với

một số đối tượng ưu tiên đã được thông qua tại Nghị quyết số 54/2013/QH13 của Quốc hội và đã được cụ thể hóa tại Nghị định số 204/2013/NĐ-CP của Chính phủ.

C) Nhóm thứ ba: Tái cấu trúc các tổ chức tín dụng.

1) Tiếp tục đẩy mạnh các biện pháp xử lý nợ xấu, theo hướng rà soát, phân loại nợ, cơ cấu lại các kỳ hạn trả nợ, tạo điều kiện tiếp tục cho vay vốn đối với các doanh nghiệp có dự án đầu tư lớn, có tác động lan tỏa và ảnh hưởng lớn đến kinh tế - xã hội. Chú trọng tín dụng ưu tiên đối với các DNNVV, các DN hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn, nuôi trồng thủy sản và các doanh nghiệp sản xuất hàng xuất khẩu đem lại giá trị gia tăng cao,...

2) Nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống Quỹ bảo lãnh tín dụng cho DNNVV của Ngân hàng phát triển Việt Nam và của các quỹ bảo lãnh tín dụng ở các địa phương. Đồng thời có chính sách lãi suất linh hoạt, hợp lý đối với hoạt động tín dụng đầu tư và tín dụng xuất khẩu của NHPT Việt Nam nhằm khuyến khích đầu tư và đẩy mạnh xuất khẩu, thông qua đó giải quyết vấn đề hàng tồn kho cho doanh nghiệp và vấn đề việc làm cho người lao động...

3) Phát triển thị trường vốn để tạo điều kiện cho DN huy động nguồn lực xã hội thông qua phát hành trái phiếu, cổ phiếu và thông qua quỹ đầu tư để đáp ứng nhu cầu đầu tư của khu vực ngoài Nhà nước, giảm dần sự phụ thuộc quá nhiều của doanh nghiệp vào nguồn vốn vay từ ngân hàng như hiện nay.

D) Nhóm thứ tư: Tiếp tục cải thiện môi trường kinh doanh, xây dựng thể chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

1) Kiểm soát chặt chẽ việc tăng chi phí đầu vào đối với doanh nghiệp kinh doanh những mặt hàng độc quyền như điện, nước, than, xăng dầu, chi phí xuất nhập khẩu tại cảng... nhằm giảm thiểu sự tăng giá bất hợp lý ảnh hưởng đến sản xuất, kinh doanh của cộng đồng doanh nghiệp. Nhà nước cần rà soát, đánh giá để có kế hoạch giãn tiến độ điều chỉnh giá các mặt hàng và dịch vụ trên một cách hợp lý để tránh tăng chi phí dồn dập.

2) Tiếp tục đẩy mạnh cải cách, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến sản xuất kinh doanh, đầu tư, nhất là thủ tục về thuế và hải quan; rút ngắn thời gian thông quan, tăng cường công tác khai thuế điện tử qua mạng, đẩy mạnh triển khai nộp thuế qua hệ thống ngân hàng, đẩy mạnh tự động hóa quy trình tiếp nhận giải quyết hồ sơ, thủ tục hành chính thuế và hải quan; thực hiện tốt Luật quản lý thuế để giảm chi phí tuân thủ thủ tục hành chính thuế, hải quan cho cá nhân, tổ chức và doanh nghiệp.

3) Tăng cường các hoạt động xúc tiến thương mại, cung cấp thông tin, hỗ trợ doanh nghiệp tìm kiếm phát triển thị trường, đặc biệt là thị trường trong nước. Đẩy mạnh các biện pháp bảo vệ, hỗ trợ phát triển thị trường trong nước như chống buôn lậu, hàng giả, hàng nhái, hàng kém chất lượng; xây dựng hệ thống hàng rào kỹ thuật;

4) Thúc đẩy các hoạt động phổ biến thông tin, hỗ trợ chuyển giao công nghệ, phát triển thị trường khoa học công nghệ, tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp tiếp cận và chuyển giao công nghệ phù hợp;

5) Tăng cường năng lực cho các bộ phận pháp chế của các Bộ ban ngành để nâng cao chất lượng chính sách và quy định pháp lý. Hạn chế sử dụng các biện pháp hành chính để không can thiệp quá sâu vào hoạt động doanh nghiệp./.